

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH A  
Tỉnh Hậu Giang**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2023/DS-ST  
Ngày: 24-4-2023  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Chúc Linh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hồ Thanh Trí

2. Bà Lê Thanh Xuân

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tuấn Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 4 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 02 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2023/QĐXX-ST ngày 05 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thanh T

Địa chỉ: Ấp TT, xã TLA, huyện CTA, tỉnh Hậu Giang – Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị S

Địa chỉ: Ấp TH, xã TLA, huyện CTA, tỉnh Hậu Giang – Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh T trình bày như sau: Vào tháng 6/2020, ông có cho ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị S vay số tiền 82.000.000đồng. Sau đó, ông Hùng đã trả cho ông được 62.000.000đồng, còn lại 20.000.000đồng chưa trả. Khi vay hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 03 tháng, lãi suất là 5%/tháng. Ông Hùng trả lãi được 03 tháng thì bán được đất và trả gốc được 62.000.000đồng. Do ông Hùng đã chết, nên ông T yêu cầu bà S trả số tiền nợ còn lại là 20.000.000đồng và lãi suất tính từ ngày 22/9/2020 cho đến ngày 23/01/2023 với mức lãi suất 1,6%/tháng là 8.960.000đồng. Tổng cộng ông T yêu cầu bà S trả số tiền 28.960.000đồng và yêu cầu bà S tiếp tục trả lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ.

Quá trình tố tụng bị đơn là bà Nguyễn Thị S trình bày như sau: Bà là vợ của ông Nguyễn Văn Hùng, ông Hùng chết năm 2021. Khi ông Hùng còn sống có vay của ông T số tiền 82.000.000đồng, sau đó vợ chồng bà bán được đất để trả nợ nhưng còn nợ lại ông T một phần, bà không rõ là bao nhiêu vì ông Hùng là người cầm tiền đi trả. Nay ông T yêu cầu trả nợ bà cũng đồng ý trả cho ông T 20.000.000đồng nợ gốc. Đối với yêu cầu đòi lãi bà S xin được giảm hết vì bà không có khả năng trả. Đối với tiền gốc, bà xin trả dần mỗi tháng 500.000đồng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là Nguyễn Thanh T và bị đơn là Nguyễn Thị S vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định pháp luật, đảm bảo đúng về thời hạn cũng như trình tự thủ tục. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, vắng mặt có yêu cầu giải quyết vắng mặt; Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Bà S thừa nhận và đồng ý trả nợ gốc cho ông T, bà S xin giảm hết lãi nhưng ông T không đồng ý. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự 2015 chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là bà Nguyễn Thị S trả cho nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh T số tiền nợ gốc là 20.000.000đồng và lãi suất tính từ ngày 22/9/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 10%/năm.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:*

**[1]** Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh T cho rằng có cho ông Nguyễn Văn Hùng và bà Nguyễn Thị S vay tiền, quá trình thực hiện hợp đồng, ông Hùng trả được một phần nợ thì chết. Bà S không thực hiện việc trả nợ, từ đó phát sinh tranh chấp. Xét đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn là Nguyễn Thị S có nơi cư trú tại ấp Trường Hưng, xã Trường Long A, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thanh T và bị đơn Nguyễn Thị S vắng mặt có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với những người này.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh T yêu cầu bà Nguyễn Thị S trả số tiền nợ gốc là 20.000.000đồng và lãi tính từ ngày 22/9/2020 đến ngày 22/01/2023 với mức lãi là 1,6%/tháng là 8.960.000đồng, đồng thời yêu cầu trả lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ.

Bà Nguyễn Thị S thừa nhận bà và chồng là Nguyễn Văn Hùng có vay của ông T số tiền 82.000.000đồng khi ông Hùng còn sống. Sau khi vợ chồng bà bán đất, ông Hùng có mang tiền trả cho ông T nhưng trả chưa hết mà còn nợ một phần, bà không rõ là bao nhiêu. Nay ông Hùng đã chết, đối với yêu cầu khởi kiện của ông T bà đồng ý trả cho ông T số tiền nợ gốc là 20.000.000đồng, xin giảm hết lãi và xin trả dần nợ gốc mỗi tháng 500.000đồng cho đến khi hết nợ.

[3.1] Xét yêu cầu đòi nợ gốc của nguyên đơn: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ gốc 20.000.000đồng, bị đơn đồng ý và xin trả dần. Từ đây, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở ghi nhận sự tự nguyện của bà S trả cho ông T số tiền nợ gốc là 20.000.000đồng. Do ông T không đồng ý cho bà S trả dần nên thời gian trả nợ sẽ do cơ quan thi hành án thực hiện theo quy định của pháp luật.

[3.2] Xét yêu cầu đòi nợ lãi của nguyên đơn: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi với mức lãi suất 1,6%/tháng tính từ ngày 22/9/2020 cho đến khi trả hết nợ. Hội đồng xét xử thấy rằng, theo “Giấy vay tiền” lập ngày 22/6/2020 với bên vay là Nguyễn Văn Hùng, Nguyễn Thị S, bên cho vay là Nguyễn Thanh T, thời hạn vay là 03 tháng, lãi suất 5%/tháng. Đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có thỏa thuận lãi suất. Trong thời hạn vay, ông T xác định ông Hùng trả lãi đầy đủ. Vì vậy, việc ông T yêu cầu bà S trả lãi từ ngày 22/9/2020 là phù hợp nhưng do hai bên không có thỏa thuận lãi suất sau kỳ hạn 03 tháng nên mức lãi được áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tức là mức lãi suất 10%/năm.

Theo nguyên đơn thì ông Hùng đã trả lãi được 03 tháng với mức 5%/tháng, phần này các bên đã thực hiện xong, bị đơn không có yêu cầu phản tố để khấu trừ do mức lãi vượt quá quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh T đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị S. Buộc bà Nguyễn Thị S trả cho ông Nguyễn Thanh T số tiền nợ gốc là 20.000.000đồng và lãi suất 10%/năm tính từ ngày 22/9/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 24/4/2023 và đồng thời tiếp tục trả lãi cho đến khi trả hết nợ. Tiền lãi từ ngày 22/9/2020 đến ngày 24/4/2023 là 02 năm 07 tháng 02 ngày, cụ thể:

$$[(20.000.000\text{đồng} \times 10\%) \times 2] + \{[(20.000.000\text{đồng} \times 10\%)/12] \times 7\} + \{[20.000.000\text{đồng} \times 10\%)/365] \times 2\} = 4.000.000\text{đồng} + 1.166.000\text{đồng} + 10.958\text{đồng} = 5.176.958\text{đồng}$$
 (Năm triệu một trăm bảy mươi sáu ngàn chín trăm năm mươi tám đồng).

Bà S có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi phát sinh trên số tiền nợ chậm trả tương ứng thời gian và số tiền chậm trả với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 cho đến khi trả hết nợ.

Không chấp nhận yêu cầu tính lãi từ ngày 22/9/2020 cho đến khi trả hết nợ với mức lãi suất là 1,6%/tháng của ông T đối với bà S.

**[4]** Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án thì bị đơn là bà Nguyễn Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên bà S đã 68 tuổi là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

**[5]** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A là phù hợp nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh T đối với bị đơn bà Nguyễn Thị S về việc đòi nợ vay.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị S trả cho ông Nguyễn Thanh T số tiền nợ gốc là 20.000.000đồng (Hai mươi triệu đồng).

Buộc bà Nguyễn Thị S trả cho ông Nguyễn Thanh T số tiền nợ lãi tính đến ngày 24/4/2023 là 5.176.958đồng (Năm triệu một trăm bảy mươi sáu ngàn chín trăm năm mươi tám đồng) và lãi suất chậm trả tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Không chấp nhận yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 1,6%/tháng từ ngày 22/9/2020 cho đến khi trả hết nợ của ông Nguyễn Thanh T đối với bà Nguyễn Thị S.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị S được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Thanh T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu lãi suất không được chấp nhận. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 724.000đồng (bảy trăm hai mươi bốn ngàn đồng) mà ông T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0012370 ngày 16 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Ông Nguyễn Thanh T được nhận số tiền chênh lệch còn lại là 424.000đồng (Bốn trăm hai mươi bốn ngàn đồng).

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Châu Thành A;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Chúc Linh**